



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: \_\_\_\_\_

VEWL.#: \_\_\_\_\_

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LÊ QUANG MINH  
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: 4E, TÔ 10 ẤP 4 XÃ TÂN-QUI-ĐÔNG NHÀ BÈ T/PHCM

Date of Birth: 08-06-1948 Place of Birth: KHÁNH-HÒA NHATRANG

Thang - Ngay - Nam

Previous Occupation (before 1975) TRUNG-UY CẢNH SÁT ĐẶC-BIỆT, TRƯỞNG TOÁN GIÁM  
(Rank & Position) THỊ VÃ THEO DÕI, THUỘC KHỐI ĐB/BTL/CSQG

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-27-1975 To 10-13-1983  
(Thang - Ngay - Nam) Years: 8 Months: 3 Days: 16

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
(Neu co) Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

LÊ QUANG-MUNG,

CHÚ

LÊ QUANG-THANH,

Em

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE - QUANG - MINH  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| KHÔNG                                    |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

ADDITIONAL INFORMATION :

- Tên cô Văn phụ trách Sở Hoat Nu - thuộc Khối Đặc - Biệt nơi tôi làm việc từ 1970 đến 1973 là: TİM
- Địa chỉ liên hệ xin thuê vé: Lê Quang Minh ở Hẻm 10, ấp 4 xã Tân - Quý - Đông Huyện Nhà Bè Thành Phố Hồ Chí Minh.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: \_\_\_\_\_

VEWL#: \_\_\_\_\_

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE QUANG MINH  
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: 4E TÔ LỘ, ẤP 4, XÃ TÂN QUÍ, HUYỆN NHÀ BÈ, T/P. HỒ CHÍ MINH

Date of Birth: 08-06-1948 Place of Birth: KHÁNH HÒA NHATRANG

Thang - Ngay - Nam

Previous Occupation (before 1975): TRUNG-UY CẢNH-SÁT ĐẶC BIỆT, TRƯỞNG TOÀN GIẢM  
(Rank & Position) THỊ VÀ THEO DÕI, THUỘC KĐB/BTL/CSQG

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-27-1975 To 10-13-1983  
(Thang - Ngay - Nam) Years: 8 Months: 3 Days: 16

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
(Neu co) Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|----------------------------------|--------------|
| <u>LE QUANG MUNG,</u>            | <u>CHU</u>   |
| <u>LE QUANG THANH,</u>           | <u>Em</u>    |
| _____                            | _____        |
| _____                            | _____        |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ QUANG MINH  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| KHÔNG                                    |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

- Tên cô. Văn phụ trách Sở Hoat. Vụ Thuộc Khối Đặc Biệt nội tôi làm việc từ 1970 đến 1973 là: TİM.
- Địa. Chỉ liên hệ xin thư về: LÊ Quang Minh số 48 tổ 10, ấp 4 Xã Tân. Quý. Đông huyện Nhà Bè Thành. phố Hồ. Chí. Minh.

BỘ TƯ - PHÁP

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ TƯ - PHÁP HUẾ

Tòa: Sơ-Thẩm Nhatrang

Số: 16238

Ngày

23.12.1957

# CHỨNG CỨ THỂ VÌ KHAI SINH

của **LÊ-QUANG-MINH**

Năm một nghìn chín trăm ba mươi bảy tháng mười hai  
ngày hai mươi ba hồi Tu giờ  
Trước mặt chúng tôi **Phạm-văn-Hiến**  
Chánh Án Tòa **Sơ-Thẩm Nhatrang** **Huân-Hữu-Nhung** **ngồi tại Văn-phòng có Ông**  
**Cá Ông Bà** **Lưu tự giúp việc**

**tuổi nghề-nghiệp**  
**trú tại** **12 Duy-Tân Nhatrang**  
**thứ liên-trà số** **06331** **ngày** **6.9.1955** **do** **Ty Cảnh-Sát**  
**cấp, đến trình diện rằng hiện y không thể xin trích lục**

**khởi-sinh cho** **con y là, Lê-quang-Minh** **sinh ngày**  
**mồng 6** **tháng 8 năm 1948** **tại làng** **Trưởng-Tây**  
**quận** **Vĩnh-Xuong** **tỉnh** **Khánh-Hòa** **được vì là**  
**Năm gần đây** **hải chính bị thất lạc trong thời kỳ chiến tranh,**  
**do y triệu đến, để chứng thực thay thế chứng-thư hộ-tịch nói trên.**

## DƯỚI CỎ ĐẾN TRÌNH DIỆN

1) **Nguyễn-thị-Lang** **25** **tuổi, nghề** **nội-trợ**  
**trú tại** **Cầu-đá Nhatrang**  
**thứ liên-trà số** **328001449** **ngày** **14.7.1955**  
**do** **Trưởng-Tây-Hội**

2) **Trần-thị-Cửu** **51** **tuổi, nghề** **buôn bán**  
**trú tại** **12 Duy-Tân Nhatrang**  
**thứ liên-trà số** **063006334** **ngày** **6.9.1955**  
**do** **Ty Cảnh-Sát Nhatrang**

3) **Phạm-thị-Am** **41** **tuổi, nghề** **nội-trợ**  
**trú tại** **8 Trưng-Nữ-Vương Nhatrang**  
**thứ liên-trà số** **16308105** **ngày** **12.9.1955**  
**do** **Ty Cảnh-Sát Nhatrang** **cấp.**

Ba nhân-chứng trên này sau khi đã tuyên-thệ và nghe đọc điều 334 - 337  
Hiàng-Việt Hình-Luật phạt tội nguy chứng về việc họ đồng cam đoan qui  
quyết biết chừa.

**LÊ-QUANG-MINH**, sinh ngày mồng sáu, tháng tám, năm  
một nghìn chín trăm bốn mươi tám (06.8.1948) tại làng Trưởng-Tây,  
quận Vĩnh-Xuong, tỉnh Khánh-Hòa, là con của Ông **Lê-quang-Hồ** và bà

**thị-H**

Hai Ông bà này đã chính thức lấy nhau./-

Hiệu lệ-ph  
tư hành  
nghi-h  
27-11-1957

Những nhân-chứng trên lại khai rằng hiện nay đương sự không thể xin các lục  
giấy khai-sinh nói trên được vì là

**Bản chính bị thất lạc trong thời kỳ chiến tranh**

Bởi vậy, Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân-chứng và chiếu các  
điều 47, 48 Hoàng - Việt Hộ - Luật, lập chứng - chỉ thế vì khai sinh này cho

**Lê-quang-Minh**

để tùy nghi tiện dụng, theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chúng tôi và Ông Lục-sự sau khi nghe  
đọc lại.

Lục-sự,

**Phạm-Hữu-Nhung**

**Chánh-Ấn,**

**Phạm-Hữu-Nhung**

Nhân chứng,

Người đứng xin,

**Lê-thị-Hoà**

- 1) Nguyễn-thị-Lang
- 2) Trần-thị-Cầu
- 3) Phạm-thị-Am

Trước bạ tại Nhatrang  
Ngày 31 tháng I năm 1969  
Quyển 2 tờ 91 số 10/209  
Thần Miên Thuở

CHỖ SỰ

(ký tên và đóng dấu)

SAO Y CHÁNH BẢN,

Nhatrang ngày 6 tháng 01 năm 1969  
CHÁNH LỤC-SỰ,



**ĐINH HỮU-MO**

00286

**SỞ TƯ - PHÁP**

**VIỆT-NAM CỘNG-HÒA**

**SỞ TƯ - PHÁP HUẾ**

**TOA: Sơ-Thẩm Nhatrang**

**Số: 16298**

# CHỨNG CHỈ THỂ VÌ KHAI SINH

Ngày

**23.12.1957**

của

**LÊ-QUANG-MINH**

Năm một nghìn chín trăm **lăm** **mười** **bảy** **tháng** **mười** **hai**  
ngày **hai** **mười** **ba** **hồi** **TO** **giờ**  
Trước mặt chúng tôi **Phạm-văn-Hiến**  
Chánh Án Tòa **Sơ-Thẩm Nhatrang** **ngồi** tại Văn-phòng số **Ông**  
**Huân-Hữu-Nhung** **Lưu** sự giúp việc

Có Ông, Bà **[redacted]-thị-Ho** **35** **tuổi** nghề-nghiệp  
**Buôn bán** **trú** tại **Tả Duy-Tân Nhatrang**

thẻ kiểm-tra số **[redacted] 321** ngày **6.9.1955** do **Ty Cảnh-Sát**  
cấp, đến trình diện rằng hiện y không thể xin trích lục

khởi-sinh của **con y là Lê-quang-Minh** **sinh** ngày

**mùng 8** **tháng** **3** **năm** **1948** **tại** làng **Trưởng-Tây**  
quận **Vĩnh-Xương** **tỉnh** **Khánh-Hòa** **được** vì là

Năm yêu cầu **hình** **chính** **bi** **thất** **học** **trong** **thời** **hở** **chấn** **tranh** **u**,  
do y triệu đến, để **h** **chứng** **chí** **thay** **thẻ** **chứng-thư** **hộ-tịch** **mới** **trên**.

**ĐÓ CỎ ĐẾN TRÌNH DIỆN**

1) **Nguyễn-thị-Lang** **26** **tuổi**, **nghe** **nội-trợ**  
**trú** tại **Cầu-đá Nhatrang**

**thẻ** **kiểm-tra** số **32B001449** ngày **14.7.1955**  
do **Trưởng-Tây-Hồi**

2) **Trần-thị-Cửu** **51** **tuổi**, **nghe** **buôn bán**  
**trú** tại **Tả Duy-Tân Nhatrang**

**thẻ** **kiểm-tra** số **06B006324** ngày **6.9.1955**

do **Ty Cảnh-Sát Nhatrang**

3) **Phạm-thị-Am** **41** **tuổi**, **nghe** **nội-trợ**  
**trú** tại **6 Trưng-Vũ-Vương Nhatrang**

**thẻ** **kiểm-tra** số **16B008105** ngày **12.9.1955**

do **Ty Cảnh-Sát Nhatrang** **cấp**.

Ba nhân-chứng trên này sau khi đã tuyên-thệ và nghe đọc điều 334 - 337  
Hương-Việt-Hành-Luật phạt tội nguy chứng về việc hộ đồng cam đoan qui  
quyết biết chừa.

**LÊ-QUANG-MINH**, **sinh** ngày **mùng sáu**, **tháng** **tám**, **năm**  
**một** **ngàn** **chín** **trăm** **hồi** **mười** **tám** **(06.8.1948)** **tại** **làng** **Trưởng-Tây**,  
**quận** **Vĩnh-Xương**, **tỉnh** **Khánh-Hòa**, **là** **con** **của** **Ông** **Lê-quang-Hộ** **và** **Bà**

**[redacted]-thị-Ho**

Hai Ông bà này đã chính thức lấy nhau./-

khẩn lệnh  
trình hành  
nghi-dịch  
22-12-1957

Những nhân-chứng trên lại khai rằng hiện nay đương sự không thể xin xác-lục  
giấy khai-sinh nói trên được vì lẽ

**bản chính bị thất lạc trong thời kỳ chiến tranh**

Bởi vậy, Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân-chứng và chiếu các  
điều 47, 48 Hoàng - Việt Hộ - Luật, lập chứng - chỉ thế vì khai sinh này cho

**Lê-quang-Minh**

để tùy nghi tiện dụng, theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chúng tôi và Ông Lục-sự sau khi nghe  
đọc lại.

Lục-sự,

Chánh-Án,

Phạm-Hữu-Nhung

Phạm-V

Nhân-chứng,

Người đứng xin,

Lê-thị-Hoa

- 1) Nguyễn-thị-Lang
- 2) Trần-thị-Côn
- 3) Phạm-thị-An

Trước ba tại Nha Trang  
Ngày 31 tháng 1 năm 1969  
Quyển 2 tờ 91 số 10/209  
Thẩm Hiên thư

CHỖ SƯ

(ký tên và đóng dấu)

SAO Y CHÍNH BẢN,

Nha Trang, ngày 6 tháng 01 năm 1969  
CHÁNH LỤC-SỰ,

m

DƯƠNG HỮU-MO

00286







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: ~~022522005~~

Họ tên **LÊ QUANG MINH**

Sinh ngày **0-0-1948**

Nguyên quán **Hậu Giang.**

Nơi thường trú **44 Phố Tân Qui.  
Đông, NB. YF. Hồ Chí Minh.**



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo cong 1,5 c, 2,5  
trên trước đuôi máy  
phải.

NGÓN TRỎ PHẢI

Tháng 7 năm 1988  
TAM BOC HOA TRUONG TY CONG AN  
Chanh  
Viết Chanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **022522005**

Họ tên **LÊ QUANG MINH**

Sinh ngày **0-8-1948**

Nguyên quán **Hậu Giang.**



Nơi thường trú **Xã Tân Qui.**  
**Đông, Ng. YF. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Số 0...cong 1,5 c, 2,5  
trên trước đuôi máy  
phải.

Ngày 7 tháng 7 năm 1988

CHỖ ĐÓNG CHỮ HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN

*Chanh*  
*Viết Chanh*

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

BỘ NỘI VỤ  
Trại **Xuân Lộc**  
Số **831** GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG ban hành theo công văn số 2545 ngày 27 tháng 11 năm 1972

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 0 | 3 | 3 | 7 | 8 | 0 | 5 | 5 | 9 | 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

SHSLD

## GIẤY RA TRAI

Theo thông tư số 066-BCA-TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thị hành án văn, quyết định của số **91/QĐ** ngày **29** tháng **09** năm **1983**

**BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **LÊ QUANG MINH** Sinh năm **1948**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Khánh hoà**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

**154/38/8 Lê quốc hưng. Quận 4. TP/ HO CHI MINH**

Can tội **Trung úy cảnh sát đặc biệt**

Bị bắt ngày **27/06/1975** An phạt **TTGT**

Theo quyết định, án văn số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của \_\_\_\_\_

Đã bị, tang an \_\_\_\_\_ lần, cộng thành \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Đã được giảm án \_\_\_\_\_ lần, cộng thành \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Nay về cư trú tại **4E Tổ 19 Ấp 6B Xã tân quy đông nhà bè. TP/ HO CHI MINH**

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế 12 tháng)

Đương sự phát trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **16** tháng **10** năm **1983**

Lưu tay ngón trở phải

Của **Lê quang Minh**

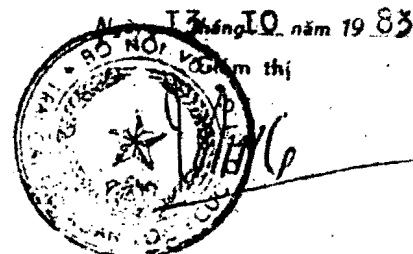
Danh bản bản

Lập tại

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

**Lê quang Minh**

**Lê quang Minh**



Thượng tá: **Trịnh văn Thịch**

Xét nhân:  
anh Lê Quang Minh  
có thời gian công an phường 12 Quận 4  
Nhà số 154/38/8 Lê Quới Hưng  
Phụ nữ, tuy chưa đủ tuổi biên năm 1979  
Nay như nước quản lý nhà dân vùng cũ

Ngày 21-10-83

~~Đã công an phường 12~~

~~Đã công an~~

Chứng nhận  
ĐS HIC về địa phương dân tình dân  
ĐSKV cấp 6B: 40/6 CA xã

Đã công an 26/10/83

~~Đã công an~~

Xét nhân:

Lê Quang Minh

Hiện diện tại địa phương các  
tên dân. Về số 20/13

Ngày 26/10/83

PHÓ CA TÂN QUÝ

Xét nhân: 26/10/83

ĐS Lê Quang Minh sinh 1948  
Ngày 4/5 cấp 6B. Tân quy về 6B.  
Đã đến công dân tại địa ANCT  
CA - huyện Tân Bê độ lớn, tự túc kinh  
chuyển đến địa (ĐSKV CTXH) làm  
tự túc theo quy định

Ngày 26/10/83  
T/L. Huyện CA huyện  
Nguyễn phước Đức

BỘ NỘI VỤ  
Trại Xuân Lộc  
Số 831 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 601-QT/G, ban hành theo công văn số 2566 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0 0 3 3 7 8 0 5 5 9 2

SHSID

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 066-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thị hành án văn, quyết định tha số 91/QĐ ngày 29 tháng 09 năm 1983

**BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **LÊ QUANG MINH** Sinh năm 19 48

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Khánh hoà**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

154/38/8 Lê quốc hưng. Quận 4. TP/ HO CHI MINH

Cán tội **Trung úy cảnh sát đặc biệt**

Bị bắt ngày 27/06 / 1975 Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của \_\_\_\_\_

Xã bị lang tại \_\_\_\_\_ lần, cộng thành \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Đã được giảm án \_\_\_\_\_ lần, cộng thành \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Nay về cư trú tại 4E Tổ 19 Ấp 6B Xã tân quy Đông nhà bè. TP/ HO CHI MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(**quản chức 12 tháng**)

Đương sự phát trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 16 tháng 10 năm 1983

Lưu tay ngón trái phải

Của **Lê quang Minh**

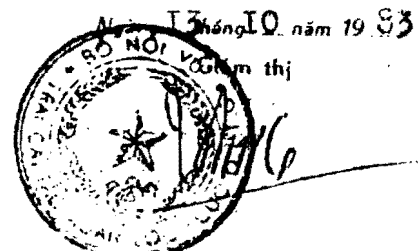
Dành bản thân

Lập tại

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

Lê quang Minh

**Lê quang Minh .**



Thượng tá: **Trịnh văn Thích**

các nhân?

anh Lê Quang Nhật

Có nhà điện công an phường 12 Quận 4

Nhà số 154/38/8 Lê Quốc Hùng

Hiện nay đang thuê nhà ở một bên năm 1979

Nay như nước quản lý nhà điện vùng cũ

Ngày 21-10-83

~~Đoạn an phường 12~~

~~Nguyễn~~

Chứng nhận

ĐS HCT về địa điểm dân tâm điện

ĐSV cấp 6B: 40/0000

Tân quy 22/10/83

~~ĐSV~~

Các nhân

Lê Quang Nhật

Hiện đang thuê nhà ở một bên năm 1979

ĐSV cấp 6B: 40/0000

Ngày 21-10-83

PHÓ CHA TÂN QUY

Xác nhận: 21/10/83

ĐSV cấp 6B: 40/0000

ĐSV cấp 6B: 40/0000

ĐSV cấp 6B: 40/0000

ĐSV cấp 6B: 40/0000

ĐSV cấp 6B: 40/0000

ĐSV cấp 6B: 40/0000

Ngày 26/10/83

T/L TÂN QUY



Nguyễn Phú Khoa



# THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 782899 CN

Họ và tên chủ hộ:

Trần Thị Cửu

Ấp, ngõ, số nhà:

4<sup>E</sup> / 19

áp 6B

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

Phước An

Huyện:

Nhà Bè

Ngày 10 tháng 3 năm 1982

Trụ sở UBND xã Nhà Bè

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3

Thiếu Tá Võ Văn Tường

## NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌ VÀ TÊN        | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND | Nghề nghiệp và nơi làm việc | Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú | Ngày tháng năm và nơi chuyển đi            | Tên cán bộ ĐK NK |
|-----------|------------------|--------------------|------------|---------------------|--------------|-----------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------|
| 1         | 2                | 3                  | 4          | 5                   | 6            | 7                           | 8                                           | 9                                          | 10               |
| 01        | Trần Thị Oanh    | Chủ hộ             | nữ         | 1906                | 021105291    |                             | 01.10.1976                                  | Chị 15/3/1967                              |                  |
| 02        | Sê Quang Linh    | cháu               | nam        | 1965                | 021143804    |                             | 01.10.1976                                  | Ông mất qua 6 tháng 01/10/1976 (1965-1976) |                  |
| 03        | Sê thị Bích Loan | cháu               | nữ         | 1989                | 021119501    |                             | 01.10.1976                                  |                                            |                  |
| 04        | Sê Quang Chánh   | cháu               | nam        | 1972                | 0211019502   |                             | 01.10.1976                                  |                                            |                  |
| 05        | Sê Quang Chính   | cháu               | nam        | 1974                | 0211914357   |                             | 01.10.1976                                  |                                            |                  |
| 06        | Sê Quang Trung   | cháu               | nam        | 1955                | 0211079129   |                             | 16.7.1982                                   |                                            |                  |
| 07        | Lê Quang Hát     | con                | nam        | 1957                | 021105295    |                             | 25.11.1985                                  |                                            |                  |
| 08        | Lê Quang Vĩnh    | cháu               | nam        | 1965                | 021147804    |                             | 22/9/87                                     |                                            | Huân             |
| 09        | Lê Quang Linh    | cháu               | nam        | 1978                | 022522005    |                             | 22/7/87                                     |                                            | Huân             |

# THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký tên, đóng dấu

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số ..... 782899 ..... CN

Họ và tên chủ hộ : .....

Trần Thị Cửu

Ấp, ngõ, số nhà .....

4<sup>E</sup> / 13

ấp 6<sup>B</sup>

Thị trấn, đường phố : .....

Xã, phường : .....

Thị trấn

Huyện : .....

Nhà Bè

Ngày ..... 10 tháng ..... 3 năm 1982

Trưởng Công an : .....

Nhà Bè

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

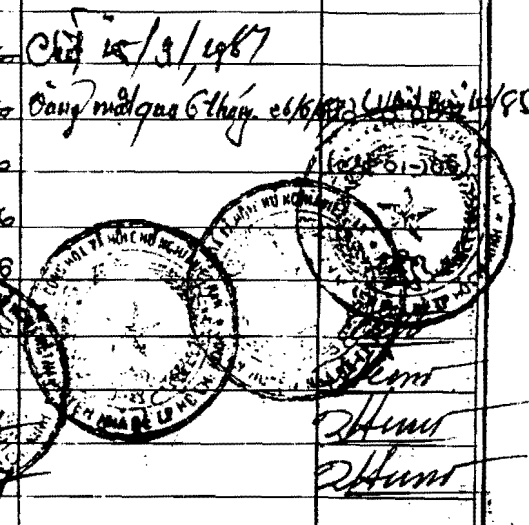


Số NK 3

Thiếu Tá Võ Đăng Tuấn

# NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌ VÀ TÊN        | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND | Nghề nghiệp và nơi làm việc | Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú | Ngày tháng năm và nơi chuyển đi        | Tên cán bộ ĐKNK |
|-----------|------------------|--------------------|------------|---------------------|--------------|-----------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------|
| 1         | 2                | 3                  | 4          | 5                   | 6            | 7                           | 8                                           | 9                                      | 10              |
| 01        | Trần Thị Châu    | Chủ hộ             | nữ         | 1906                | 021105204    |                             | 01.10.1976                                  | Cấp 15/3/1987                          |                 |
| 02        | Sở Quang Thịnh   | cháu               | nam        | 1965                | 021147804    |                             | 01.10.1976                                  | Đang mất qua 6 tháng 06/1987 (15/1/85) |                 |
| 03        | Sở thị Bích Loan | cháu               | nữ         | 1989                | 02111951     |                             | 01.10.1976                                  |                                        |                 |
| 04        | Sở Quang Chấn    | cháu               | nam        | 1972                | 0211089502   |                             | 01.10.1976                                  |                                        |                 |
| 05        | Sở Quang Chính   | cháu               | nam        | 1974                | 0211094557   |                             | 01.10.1976                                  |                                        |                 |
| 06        | Sở Quang Trung   | cháu               | nam        | 1955                | 0211077129   |                             | 16/7/1982                                   |                                        |                 |
| 07        | Lê Quang Hát     | con                | nam        | 1957                | 021105205    |                             | 28/11/1985                                  |                                        |                 |
| 08        | Lê Quang Minh    | cháu               | nam        | 1965                | 021147804    |                             | 22/9/87                                     |                                        |                 |
| 09        | Lê Quang Minh    | cháu               | nam        | 1948                | 022522005    |                             | 22/12/87                                    |                                        |                 |



BỘ NỘI VỤ  
Trại (Khảo Lộ)  
Số 831 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Bắc lập, tự do, bình đẳng

Mẫu số 001-01/1965  
Ban hành theo Quyết định  
Số 27 tháng 11  
năm 1965

00557005592

## GIẤY BA TRẠI

Được ban hành theo Quyết định của Bộ Nội vụ:

Tên họ và tên: **LÊ QUANG MINH** Ngày 20 tháng 02 năm 1965

BỘ NỘI VỤ

Nơi cấp giấy này cho anh, chị có tên sau đây:

Họ tên và tên thật:

**LÊ QUANG MINH**

Sinh năm 1945

Quê quán:

**Phước Hòa**

Đã được cấp giấy này để hưởng ưu đãi trước khi đi:

**154/38/3 Lê quốc hưng. Quận 4. TP/ HO CHI MINH**

Cao độ: **Trung úy cảnh sát đặc biệt**

Bị bắt ngày: **27/06/1975**

Án phạt: **TTCT**

Theo quyết định, án phạt:

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tước bỏ:

Đã được giảm án:

năm

tháng

Đã được giảm án:

Đã được giảm án:

năm

tháng

Nay về cư trú tại: **4E Tổ 19 Ấp Bả Xã Tân quy Đông nhà Bả. TP/ HO CHI MINH**

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 16 tháng 10 năm 1985

Lưu tại ngân tró phải

Của **Lê quang minh**

Chức vụ:

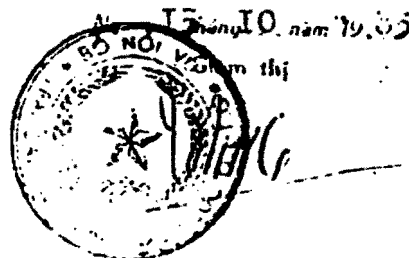
Lập tại:

Họ tên, chữ ký

được ghi rõ



**Lê quang minh**



Thượng tá: **Trịnh văn Thích**

Xét nhân  
anh Lê Quang Mạnh  
có thời gian công an phường 11 trước  
Mùa hè 1981/82 là Công an  
thường người hay đi bộ một mình vào 1981  
hay như một quản lý của đơn vị này đây

Ngày 21-10-83  
Đo công an phường 11

Đo công an phường 11

Chứng nhân  
Đo HCT về địa phương đến thăm diện  
chủ ấp 6B. 10/10/83

Tân quy 22/10/83  
Đo công an

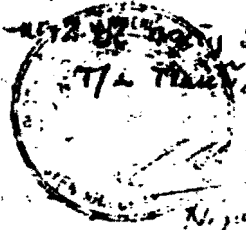
Xét nhân  
Lê Quang Mạnh có  
thời gian đi làm công nhân ở  
phân xưởng 1 của đơn vị này

Ngày 20/10/83  
Đo công an



Xét nhân 045/STD  
Đo công an phường 11 của 1983  
Mùa hè 82. Tân quy 22/10/83  
Đến thăm diện tại ấp 6B  
Huyện Tân Bè đợt làm tốt các năm  
mới đến đây (QLHCTXH) của  
ở các đơn vị này

Ngày 20/10/83  
T/L. Huyện CH Huyện  
Đo công an





NATIONAL OFFICE

## MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE N.W. • WASHINGTON D.C. 20004

(202) 699-6000

659-6001

Số Quốc

Số ODH-Bangkok-IV#  
(nếu biết)

Mẫu mới - Form A

TÁI XIN ĐOÀN TỤ GIA-ĐÌNH  
(Thân Nhân ở Việt-Nam)

Địa-Phân: SÀI GÒN

Tên Người Đứng Đơn ở Hoa Kỳ: LÊ QUANG MỪNG

Địa Chỉ:

Tuổi của Người Đứng Đơn: 12-02-1935 Nơi Sinh: CẦN THƠNgày Người Đứng Đơn tới Hoa Kỳ: 04-08-1982Tư dân tới: PHILIPPINE (VIỆT NAM)BATAANSố "Alien Registration" (Chỉ trên Mẫu I-94 hoặc Thẻ Xanh): A-25349061

Số Chứng-Chỉ Nhập-Tích Mỹ (Nếu có):

Quy-chế Hiện-tại của Người Đứng-Đơn:

Xin đánh dấu IX☐ Ty-nạn (Chưa có quy-chế Thường-trú-như)☒ Thường-trú-như (Đã có Thẻ-Xanh)Chú-thích: Dù đã có làm đơn Mẫu I-130, ☐ Công-dân Hoa-Kỳ  
cũng xin điền mẫu này và  
gửi tới USCC/Washington, D.C.

Tôi làm đơn này để xin cho những thân nhân ghi tên dưới đây, hiện  
còn ở tại Việt-Nam được sang Hoa Kỳ đoàn-tụ với tôi, (Tôi chấp nhận để  
tên tuổi những người dưới đây được thông báo cho các giới hữu-trách như  
Cao-Uỷ- Ty-Nạn Liên-Hiệp-Quốc; hoặc tất cả các cơ-quan, tổ-chức đặc  
trách chương-trình Đoàn-Tụ Gia-Đình, kể cả các giới-chức tại Việt-Nam).

XIN ĐIỀN CẢ BẢN TIẾNG ANH VÀ THI THỰC CHỮ KÝ (trên bản tiếng Anh)

| HỌ và TÊN<br>(Thân nhân ở Việt-Nam) | Ngày và<br>Nơi Sinh   | Liên hệ<br>Gia-đình<br>với tôi | Địa-Chỉ Rõ-Ràng và<br>Mỗi Nhất của Thân-Nh<br>tại Việt-N. |
|-------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| LÊ-QUANG HỒ                         | 17-04-1927 CẦN THƠ    | ANH RUOT                       | ẤP XÃ PHƯỚC THÁI                                          |
| NGUYỄN THỊ HAI                      | 07-03-1935 CHỢ LỚN    | CHỊ DẬU                        | HUYỆN LONG THÀNH                                          |
| LÊ-QUANG-MINH                       | 06-08-1948 KHUẤT HÒA  | CHÁU                           | TỈNH ĐỒNG NAI                                             |
| LÊ-QUANG-LIỆM                       | 18-11-1962 PHONG ĐÌNH | CHÁU                           | (MAILING ADRESS)                                          |
| LÊ-QUANG-THÔNG                      | 26-04-1963 SAIGON     | CHÁU                           | 4 E TB 19 ẤP GB XÃ TÂN                                    |
| LÊ-QUANG-LỢI                        | 09-05-1965 SAIGON     | CHÁU                           | QUY ĐÔNG HUYỆN                                            |
|                                     |                       |                                | MIỀN BÈ L                                                 |
|                                     |                       |                                | THÀNH PHỐ HO CHÍ MINH                                     |

Người làm đơn ký tên

Le Quang HungNgày làm đơn: 20-10-1982

Nếu có thay đổi địa chỉ, xin quý vị thông báo địa chỉ mới cho Hội USCC địa-ph  
và Tòa Đại-Sứ Hoa Kỳ để được thay.



NATIONAL OFFICE

## MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

(202) 659-6646/6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

Reference No. 70547

NOVEMBER 12, 1984

(XP-IV No. \_\_\_\_\_)

(If Known)

## AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

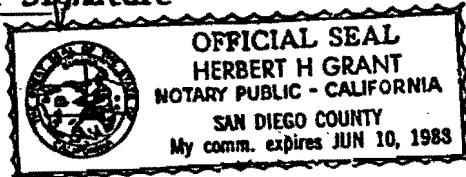
Diocese of: SAN DIEGOYour Name: Mr/Mrs/Miss LE QUANG MUNG Phone (home) \_\_\_\_\_  
(Family) (Middle) (Given) (work) \_\_\_\_\_Your Address \_\_\_\_\_  
Number Street County/City State ZIPDate of Birth: 12-02-1935 Place of Birth: CANTHODate of Entry to U.S. 04-08-1982 From (country or camp): PHILIPPINE (BATAN)My Alien Registration Number is (If Applicable) A-25349061Legal Status: Parolee \_\_\_\_\_ Permanent Resident Alien ☒ U.S. Citizen \_\_\_\_\_

My Naturalization Certificate Number is (If Applicable) \_\_\_\_\_

I am filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States, under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP). I include a copy of my \_\_\_\_\_ I-94 (both sides) \_\_\_\_\_ I-151 (Permanent Resident Alien Card)

| Name           | Sex | Date/Place of Birth  | Relation to you | Address in Vietnam    |
|----------------|-----|----------------------|-----------------|-----------------------|
| LE QUANG HO    | M   | 17-04-1927 CANTHO    | BROTHER         | API PHUOC THAI        |
| NGUYEN THI HAI | F   | 07-03-1935 ECHO LOAN | SISTER IN LAW   | HUYEN LONG THANH      |
| LE QUANG MINH  | M   | 06-08-1948 KHANH HOA | Nephew          | TINH DONG NAI         |
| LE QUANG LIEM  | M   | 18-11-1962 HONG DINH | Nephew          |                       |
| LE QUANG THONG | M   | 26-04-1963 SAIGON    | Nephew          | MAILING ADDRESS       |
| LE QUANG LOI   | M   | 09-05-1965 SAIGON    | Nephew          | AE TO 19 AP 6 B       |
|                |     |                      |                 | XA TAN QUY DONG       |
|                |     |                      |                 | HUYEN NHA BE          |
|                |     |                      |                 | THANH PHO HO CHI MINH |

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Your Signature Le Quang MungSubscribed and sworn to before me this 29th day of October, 1984.Signature of Notary Public Herbert H. GrantMy commission expires: 6-10-88

- \* Any change of address should be reported immediately to USCC National Office and to local USCC Diocesan Resettlement Office.



FROM: LÊ QUANG HỒ  
35 Đinh Tiên Hoàng  
P. Đa Kao Quận 1  
TP. Hồ Chí Minh.

PAID  
PAR AVION



APR 27 1990

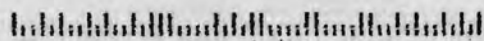
TO: MRS. Khuê Minh. Cho

P.O. BOX 5435 ARLINGTON



PAR AVION VIA AIR MAIL

5435 10022704 \*\* CR 0009  
\*\*\*\*\* AUTOMATIC MAIL (MUN) \*\*\*\*\*  
PO BOX 5435  
ARLINGTON VA 22205-0535



Saigon ngày 6 tháng 3 năm 1990  
Hình Thức Đã.

- Gia đình chúng tôi thành thật cảm ơn Bà và anh em triه của Bà và quý Hội ngày 8 tháng 1 chúng tôi làm việc không hề từ bỏ, hôm nay là hình thức.

- Theo trong thư của Ông, chúng tôi làm theo yêu cầu của quý Hội, hôm nay tôi đã gửi hồ sơ hồ sơ của Kê. Quang Minh, đến quý Hội gồm có: Hai bản và 1 Kê, Hai bản khai báo, Hai bản hồ sơ, Hai giấy chứng nhận nhân dân (Căn cước) Hai bản (Hội gia đình và anh em thân. Mi Việt Nam) và hai ảnh 4x6 (mới). "Photocopy", tất cả 6 bản, mỗi bản 2 bản thành 12 bản, để gửi đến quý Hội.

- Nhờ Bà, anh em và lòng quý trọng cho gia đình tôi được anh em triه của Bà và giấy phép của gia đình tôi xếp xếp như Cảnh sang Hoa Kỳ (IV và LOI) để chúng tôi có thể đi hồ sơ bỏ thư bên nhà, và trở lại anh em triه hồ sơ (PASSPORT) VIỆT NAM.

- Gia đình tôi xin thành kính và triه tất ơn của Bà.

Địa chỉ nhận thư: Lê Quang Hồ

35 Đinh - Tiên - Hoàng Phường Đakao

Quận I. TP. Hồ Chí Minh

Kính gửi:

~~Lê Quang Hồ~~

CÊ - QUANG - HỒ

Kính thưa Bà:

- Kể mong chờ tui của bà, tui giả vờ đi về quê  
tăm, tui còn có hàng trăm giấy tờ của cha mẹ tui bỏ lại trong  
nhà giả vờ ra ngoài, tui từ ngày rời bỏ là bỏ tui từ  
hồi 6 tháng qua rồi, kể bà vui lòng cho đúng.  
Lời hứa của bà sẽ lời của bà.

Cầu Chúa Bà Trắc thiên mại mại. Cầu Chúa Bà  
 Địa chỉ: Nhà thờ của tôi  
 LÊ QUANG HÒA  
 Cầu Chúa Bà Trắc 1 nhà số 507 F. 27 Quận Bình Thạnh TP. HCM  
 LÊ QUANG HÒA

Saigon ngay 22 tháng 11 năm 1989  
Kính thưa Bà.

- Tôi lấy làm hân hạnh biết Bà, qua các  
- Ai Cựu nhân. Trong hải ngoại "Vào là ĐH" qua từ hoạt  
tinh cả đời của Bà tại Mỹ, để giúp đỡ cho những người  
con ở lại quê nhà (rất cả từ cái tạo và cũng như như  
trên sang Mỹ) lập lại nước lòng Mối, thật vậy bao nhiêu  
nhau tạo của Bà thật là iel eo.

- Trước trong khi Bà vui lòng giúp đỡ cho gia đình tôi  
trở lại với quê nhà.

- Nguyên tôi tên Lê Quang-Hồ 63 tuổi, là của Dân  
Vụ Hải quân, được cấp V.N.Công hòa Quân số 47A-000 049 "Lính  
Hải quân Công. Không. Đó là lính Hải quân tại Saigon cũ, tôi có  
gửi đơn đến Văn phòng "08P" tại Hải quân. Bangkok kìa  
cho gia đình tôi từ nay tại Hoa Kỳ ngày 18/7/84,  
hộ sơ gồm có 18 chồng và bốn đứa con (6 người) con lớn là  
Trung-Vũ Cử Sát Hải Biệt học cái tạo ở năm (1975-1983)

- Khi Bà vui lòng giúp đỡ cho tôi một số "Vấn đề  
Loi" tôi có xin nhiều lần ở Bangkok, cũng như 2 lần (1986-87)  
qua nhà chỉ của Bà cũng không thấy, có lẽ bị thất lạc trên  
khi Bà vui lòng giúp đỡ lần này, mong Bà thông cảm cho,  
Hy vọng mở mắt của gia đình tôi, với lòng giúp đỡ tận tình  
thông cảm của Bà thật là quý báo.

Hiện tôi có người em (Rất) thủ từ trong gia đình ở tại

Cali, từ 1982, Chính của nhân họ Hồ từ Phòng ODP Bangkok, gọi về để cầu vác ulau theo dõi của gia đình tôi. Căn từ khi USCC (Bộ An ninh đầu tư Gia đình) ngày 29-10-84 mang số 70547 ngày 12/11/84. Khi xin đầu theo đây bản sao (Bản xin đầu tư Gia đình) để Bà tiền về và giúp đỡ gia đình tôi từ Bộ An ninh Việt Nam, gọi đến để bổ túc hồ sơ giữa số 11 và số 10, vào ngày 20/10/89 tại VP Hồ Chí Minh, để nhân giấy Xê-nét Cầu (PASSPORT) nhưng gia đình chưa có, vì tôi đang đại tu ở Hong Nai từ 18/9/85 đến nay hơn 4 năm rồi. Mong cho Bà tận tình giúp cho gia đình tôi.

Chưa Bà, tôi thường xuyên và theo dõi gần đây hai bản đầu phủ (Việt Mỹ) tổng ý cho tôi cái tạo về thân nhân của Long Hinh của tôi Mỹ gọi là Hồ có cái tạo về 5 nhân họ Hồ mỗi trẻ của xét, khi tôi học cái tạo về, đúng tôi xin là chủ gia đình (CHA) con lớn học cái tạo về năm cơ học của xét không, và có của tiền, xin Bà vui lòng cho biết rõ v/v này thật gia đình tôi không hiểu rõ qua việc này xin thông cảm cho.

Trong khi chờ từ giúp đỡ của Bà, Gia đình tôi xin thành kính và biết ơn của Bà, và mong cho trẻ từ giúp đỡ của Bà, cũng như thể phía đây về cùng nhau 11 và 10 cũng là nhân từ và hy vọng nhất từ với gia đình tôi.

Trân trọng kính chào Bà.

Signature  
Là của Hồ

FROM: Lê Quang. Hồ  
35 Đinh Tiên Hoàng  
F. Đa Kao Quận I  
TP. Hồ Chí Minh.



TO: MRS. Khúc. Minh. THO

P.O. Box 5435 ARLINGTON VA 22205

0635 TL. 703-998-7850

DEC 27 1989



PAR AVION VIA AIR MAIL

U.S.A.

From: Lê Quang Hồ  
cũ xa' Thanh Đa. | Lố 1  
nhà 407. F. 27 | Q. Bình Thạnh  
VIỆT-NAM

Ưm h/s, hã lòi  
8/3

20/3



TO MAS KHUC MINH THO

PO. BOX 5435

ARL. WA. 22.205 - 0635

U.S.A.  
AIRMAIL 100







Lê Quang Minh  
Sinh ngày 06  
Tháng 8 năm 1948

---

C O N T R O L

\_\_\_ Card  
✓ Doc. Request; Form 11/8/90  
\_\_\_ Release Order  
\_\_\_ Computer  
\_\_\_ Form "D"  
\_\_\_ ODP/Date \_\_\_\_\_  
\_\_\_ Membership; Letter